



Máy in mã vạch công nghiệp 8"

HD820i / HD830i

Máy in mã vạch công nghiệp rộng 8 inch tốt nhất trong các sản phẩm cùng loại. Hoàn hảo cho các nhãn có định dạng khác nhau

HD830i của GoDEX là máy in mã vạch tám inch được thiết kế cho các ứng dụng yêu cầu nhãn lớn và bền. HD830i là một máy in chắc chắn với thiết kế tinh tế bao gồm các đặc tính quan trọng của thiết bị điện tử hiệu suất cao, cơ chế đáng tin cậy, thân thiện với người dùng và thiết kế dễ bảo trì



Giá đỡ nhãn bên ngoài: tối đa 10"
(Bao gồm gói tiêu chuẩn) "

- Màn hình cảm ứng màu 3,2" tạo điều kiện điều hướng trực quan. Có thể điều chỉnh đến 15°.
- Đèn LED trạng thái màu kép và nút hiệu chỉnh mang lại tính đơn giản.
- Vỏ kim loại mạnh mẽ và cơ chế in chắc chắn để thực hiện những công việc yêu cầu cao
- Bề rộng vượt trội: chiều rộng nhãn tối đa 10" / Chiều rộng in tối đa 8,57".
- Khả năng kết nối không dây tùy chọn: Mô-đun Bluetooth hoặc Wi-Fi
- Nắp trên được thiết kế mang lại chuyển động dễ dàng: mang lại sự an toàn và thoải mái.
- Có giá đỡ nhãn ngoài chắc chắn cho tối đa 10 đường kính cuộn.
- Máy dò phương tiện có thể điều chỉnh: bao gồm cảm biến phản xạ và xuyên thấu
- Công nghệ làm ẩm thích ứng tiên tiến: để tối ưu hóa chất lượng in
- Tấm áp suất phương tiện bên trong được thiết kế để ổn định quá trình in nhãn"

GoDEX

Specification

HD820i / HD830i

Model		HD820i	HD830i
Phương pháp in		Truyền nhiệt / Nhiệt trực tiếp	
Độ phân giải		203 dpi (8 chấm / mm)	300 dpi (12 chấm / mm)
Tốc độ in		6 IPS (152 mm/s)	4 IPS (102 mm/s)
Chiều rộng bản in		8.5" (216 mm)	8.64" (219.5 mm)
Độ dài bản in		Tối thiểu. 1 "(25.4 mm) **; Tối đa 86.6 "(2200 mm)	Tối thiểu. 1 "(25.4 mm) **; Tối đa 40 "(1016 mm)
Bộ vi xử lý		32 Bit RISC CPU	
Bộ nhớ		Flash	128 MB Flash (60 MB sử dụng lưu trữ)
		SDRAM	32MB
Loại cảm biến		Cảm biến phản xạ có thể điều chỉnh Cảm biến khoảng cách cố định , căn lề trái	
Decal mã vạch	Các loại:	Dạng liên tục, nhân khoảng cách, cảm biến dấu đen và đục lỗ, chiều dài nhân được đặt bằng cảm biến tự động hoặc lập trình	
	Chiều rộng	Tiêu chuẩn : 4 " (108 mm) Min. -10" (255 mm) Max.	
	Độ dày	Dao cắt : 9.05" (230 mm) Max.	
	Đường kính cuộn decal	Min. 0,002" (0,06 mm) – Max. 0,01" (0,25 mm)	
	Đường kính lõi	Giá đỡ nhân ngoài: Max 10" .(Bao gồm phụ kiện tiêu chuẩn)	
Ruy băng mực	Các loại	Min. 1,5 " (38,1 mm) - Max. 3" (76,2 mm)	
	Đường kính cuộn băng	Wax, wax/resin, resin	
	Đường kính lõi	2.67" (68 mm)	
	Chiều dài	1" (25,4 mm)	
	Chiều rộng	981' (300 m)	
Ngôn ngữ máy in		4.3" Min. - 8.66" (110 mm - 220 mm) Max.	
Phần mềm		Tự động chuyển ngôn ngữ EZPL, GEPL, GZPL	
	Phần mềm thiết kế nhãn	GoLabel (chỉ dành cho máy có ngôn ngữ EZPL)	
	Driver	Windows 2000, XP, Vista, Win 7, 8, 8.1, 10; Windows Server 2008, 2008 R2, 2012, 2012 R2, 2016, 2019; MAC, Linux	
Phông chữ tích hợp		Win CE , .NET , Windows Mobile, Windows 2000 / XP / VISTA / Windows 7 / Windows 8.1 / Windows 10	
	Phông Bitmap	6, 8, 10, 12, 14, 18, 24, 30, 16X26 and OCR A & B	
	Phông TTF	Phông chữ bitmap có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
Phông chữ tải xuống	Phông Bitmap	Phông chữ bitmap có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc	
	Phông Asian	Phông TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0 °, 90 °, 180 °, 270 °	
	Phông TTF	Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
Mã vạch		0°, 90°, 180°, 270° rotatable and 8 times expandable in horizontal and vertical directions	
	Mã vạch 1D	Phông TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0 °, 90 °, 180 °, 270 °	
	Mã vạch 2D	China Postal Code, Codabar, Code 11, Code 32,Code 39, Code 93, Code 128 (subset A, B, C), EAN-8/EAN-13 (with 2 & 5 digits extension), EAN 128, FIM, German Post Code, GS1 DataBar, HIBC, Industrial 2 of 5 , Interleaved 2-of-5 (l 2 of 5), Interleaved 2-of-5 with Shipping Bearer Bars, ISBT-128, ITF 14, Japanese Postnet, Logmars, MSI, Postnet, Plessey, Planet 11 & 13 digit, RPS 128, Standard 2 of 5, Telepen, Matrix 2 of 5, UPC-A/UPC-E (with 2 or 5 digit extension), UCC/EAN-128 K-Mart and Random Weight	
Bộ mã		Aztec code, Code 49,Codablock F , Datamatrix code, MaxiCode, Micro PDF417, Micro QR code, PDF417, QR code, TLC 39, GS1 Composite	
Đồ họa		CODEPAGE 437, 850, 851, 852, 855, 857, 860, 861, 862, 863, 865, 866, 869, 737	
Cổng kết nối		WINDOWS 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1257	
Bảng điều khiển		Unicode UTF8 、 UTF16BE 、 UTF16LE	
	Điện năng yêu cầu	Các loại tệp đồ họa tích hợp là BMP và PCX, các định dạng đồ họa khác có thể tải xuống từ phần mềm	
	Đồng hồ thời gian thực	USB 2.0 (B-Type)	
Độ ẩm		Serial port: RS-232 (DB-9)	
	Môi trường	IEEE 802.3 10/100 Base-Tx Ethernet port (RJ-45)	
	Nhiệt độ hoạt động	USB Host (A-Type)	
Chứng nhận		Màn hình cảm ứng màu LCD 3,2"	
	Nhiệt độ bảo quản	1 Nút bật / tắt nguồn	
	Bảo quản	1 Phím điều khiển: FEED / PAUSE / CANCEL với đèn nền LED hai màu: Sẵn sàng (Xanh lục); Lỗi (Đỏ)	
Kích thước		1 Nút điều khiển	
	Chiều dài	Tự động chuyển 100-240VAC, 50-60Hz	
	Chiều cao	Tiêu chuẩn	
Khối lượng		41°F to 104°F (5°C to 40°C)	
	Chiều rộng	-4°F to 140°F (-20°C to 60°C)	
		20-85%, không ngưng tụ	
Tùy chọn thêm		10-90%, không ngưng tụ	
		CE (EMC) 、 FCC Class B 、 CB 、 UL 、 cUL 、 CCC	
		221 mm	
Tùy chọn thêm		224 mm	
		431 mm	
		11,7 Kg , Không bao gồm vật tư tiêu hao	
Tùy chọn thêm		Dao cắt tự động	
		Hỗ trợ cổng kết nối Parallel (Centronic female 36-pin)	
		Chức năng Bluetooth	
Tùy chọn thêm		Wireless LAN (IEEE 802.11 b/g/n)	
		Sheet paper module (Factory Install)	

** Thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo. Tất cả các tên công ty và/hoặc tên sản phẩm đều là nhãn hiệu và/hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

Việc tuân thủ thông số về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa có thể phụ thuộc vào sự khác nhau về chất liệu không tiêu chuẩn như: loại nhân, độ dày, khoảng cách, cấu trúc lót, v.v. GoDEX vui lòng kiểm tra các chất liệu không tiêu chuẩn về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa.